

BẢNG ĐIỂM KỲ THI
CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN
Ngày Thi: 09/11/2025

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB11534	Nguyễn Thị Ngọc	An	15/04/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.17	Đạt	
2	BKCB11535	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	20/07/2004	Đồng Nai	6.67	8.33	Đạt	
3	BKCB11536	Vũ Bùi Phương	Anh	13/02/2005	Đắk Lắk	8.67	8.0	Đạt	
4	BKCB11537	Nguyễn Nguyễn Thái	Bảo	09/05/2006	Bình Dương	6.0	5.67	Đạt	
5	BKCB11538	Trần Gia	Bảo	18/03/2004	Đồng Tháp	6.67	5.67	Đạt	
6	BKCB11539	Lã Thị Thanh	Bình	14/01/2005	Ninh Bình	8.67	5.67	Đạt	
7	BKCB11540	Nguyễn Hữu	Bình	30/01/2006	Hà Nội	8.33	5.5	Đạt	
8	BKCB11541	Nguyễn Lê Đông	Bình	24/11/1999	Vĩnh Long	9.67	9.0	Đạt	
9	BKCB11542	Nguyễn Minh	Cảnh	01/12/2003	Tây Ninh				Vắng
10	BKCB11543	Nguyễn Bảo	Châu	02/07/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.17	Đạt	
11	BKCB11544	Bùi Thành	Công	28/02/2004	Vĩnh Long	9.33	9.33	Đạt	
12	BKCB11545	Nguyễn Trương Duy	Cường	25/11/2006	Quảng Ngãi	7.67	7.83	Đạt	
13	BKCB11546	Nguyễn Việt	Cường	19/05/2003	Đắk Lắk	9.67	8.83	Đạt	
14	BKCB11547	Nguyễn Hải	Đăng	01/05/2004	Vĩnh Long	9.67	9.17	Đạt	
15	BKCB11548	Huỳnh Chí	Đạt	16/12/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.67	Đạt	
16	BKCB11549	Mai Thành	Đạt	18/06/2004	Bình Phước	7.67	8.5	Đạt	
17	BKCB11550	Phạm Văn	Doanh	05/11/2003	Bắc Ninh	6.33	6.5	Đạt	
18	BKCB11551	Lê Nguyễn Tiến	Dũng	18/12/2003	Khánh Hòa	9.67	8.83	Đạt	
19	BKCB11552	Nguyễn Thùy	Dương	28/01/2006	Lâm Đồng	9.33	8.5	Đạt	
20	BKCB11553	Nguyễn Khánh	Duy	21/12/2003	Tiền Giang	6.67	7.0	Đạt	
21	BKCB11554	Võ Văn	Duy	04/12/2000	Đà Nẵng	6.0	8.67	Đạt	
22	BKCB11555	Bùi Thị Mỹ	Duyên	18/06/1998	Quảng Ngãi	9.0	9.0	Đạt	
23	BKCB11556	Đỗ Thị	Duyên	24/06/1998	Ninh Bình	7.67	8.17	Đạt	
24	BKCB11557	Lê Hiệp	Hải	04/03/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	5.67	6.0	Đạt	
25	BKCB11558	Lê Gia	Hân	27/03/2008	Hà Nội	9.33	8.67	Đạt	
26	BKCB11559	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	06/07/2002	Quảng Ngãi	9.67	9.17	Đạt	
27	BKCB11560	Nguyễn Gia	Hào	13/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.67	Đạt	
28	BKCB11561	Dương Vũ	Hậu	09/05/2003	Vĩnh Long	9.67	9.17	Đạt	
29	BKCB11562	Hồ Thị Hồng	Hoà	02/04/1999	Đồng Nai	8.33	7.17	Đạt	
30	BKCB11563	Hồ Hà	Hòa	16/08/2002	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
31	BKCB11564	Đặng Thị Sông	Hoài	02/09/2004	Khánh Hòa	9.33	9.33	Đạt	
32	BKCB11565	Lê	Hoàng	23/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.67	Đạt	
33	BKCB11566	Trần Nguyễn Việt	Hoàng	10/10/2005	Đắk Lắk	10.0	8.17	Đạt	
34	BKCB11567	Nguyễn Thị Ngọc	Huế	25/11/2004	Tây Ninh	8.33	6.5	Đạt	
35	BKCB11568	Nguyễn Ánh	Hường	14/03/2005	Ninh Bình	8.33	7.83	Đạt	
36	BKCB11569	Huỳnh Nhật	Huy	03/06/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	5.0	8.33	Đạt	
37	BKCB11570	Nguyễn Đặng Quang	Huy	27/09/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.17	Đạt	
38	BKCB11571	Phạm Võ Gia	Huy	05/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	4.67	4.17	Không đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
39	BKCB11572	Võ Quốc	Huy	11/02/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.0	Đạt	
40	BKCB11573	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	10/08/2005	Nghệ An	8.67	9.0	Đạt	
41	BKCB11574	Võ Thị Như	Huỳnh	14/12/2004	Bạc Liêu	8.0	6.17	Đạt	
42	BKCB11575	Huỳnh Nguyễn Duy	Khang	22/03/2003	An Giang	8.67	8.83	Đạt	
43	BKCB11576	Nguyễn Hữu	Khánh	19/05/2006	Thanh Hóa	7.67	8.5	Đạt	
44	BKCB11577	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	19/12/2002	Đồng Tháp	8.33	8.5	Đạt	
45	BKCB11578	Phạm Thanh Kim	Khánh	01/09/2006	An Giang	8.67	8.67	Đạt	
46	BKCB11579	Trần Lê Minh	Khánh	01/01/2004	Bình Thuận	7.0	8.83	Đạt	
47	BKCB11580	Lê Công	Khôi	16/01/2007	Đắk Lắk	4.0	0.0	Không đạt	Không TH
48	BKCB11581	Bùi Khánh	Linh	29/10/2000	Đắk Lắk	8.67	8.33	Đạt	
49	BKCB11582	Đinh Nguyễn Khánh	Linh	18/01/2004	Lâm Đồng	9.67	8.33	Đạt	
50	BKCB11583	Ngô Mỹ	Linh	15/03/2006	Đồng Tháp	9.33	8.67	Đạt	
51	BKCB11584	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/04/2005	Kiên Giang	10.0	9.0	Đạt	
52	BKCB11585	Trần Ngọc	Linh	29/10/2005	Nam Định	7.67	5.5	Đạt	
53	BKCB11586	Trần Thị Tuyết	Linh	18/08/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	6.67	Đạt	
54	BKCB11587	Đặng Thị Thanh	Loan	07/11/2006	Đắk Lắk	8.67	5.17	Đạt	
55	BKCB11588	Phạm Hoàng	Long	28/11/2003	Đắk Lắk	6.67	7.67	Đạt	
56	BKCB11589	Võ Thành	Luân	01/08/1982	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.5	Đạt	
57	BKCB11590	Phạm Thị Trúc	Ly	03/09/2000	Đồng Nai	9.67	9.0	Đạt	
58	BKCB11591	Vũ Thanh	Mai	05/02/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.67	Đạt	
59	BKCB11592	Nguyễn Quang	Minh	22/02/1996	An Giang	8.67	8.83	Đạt	
60	BKCB11593	Phạm Công	Minh	03/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.83	Đạt	
61	BKCB11594	Nguyễn Thị Như	Mơ	17/02/2005	An Giang	8.67	8.33	Đạt	
62	BKCB11595	Phan Thị Xa Đét	Một	30/01/2000	Cà Mau	6.67	8.0	Đạt	
63	BKCB11596	Lương Hải	Nam	11/12/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	9.0	Đạt	
64	BKCB11597	Khuru Huệ	Ngân	28/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.5	Đạt	
65	BKCB11598	Phùng Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	17/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
66	BKCB11599	Trần Nguyễn Bảo	Ngân	25/02/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	8.83	Đạt	
67	BKCB11600	Trần Thị Kim	Ngân	15/04/1998	Gia Lai	10.0	8.67	Đạt	
68	BKCB11601	Trương Thị Thuý	Ngân	02/12/2004	Sóc Trăng	8.0	7.0	Đạt	
69	BKCB11602	Trần Thị Hồng	Ngọc	24/04/2004	Đắk Lắk				Vắng
70	BKCB11603	Châu Hoàng	Nguyên	06/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	8.83	Đạt	
71	BKCB11604	Trần Minh	Nguyễn	14/01/1999	Gia Lai	9.67	9.0	Đạt	
72	BKCB11605	Lê Phương	Nhân	25/11/2002	Gia Lai	7.67	8.67	Đạt	
73	BKCB11606	Bảo Quý	Nhân	09/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	8.83	Đạt	
74	BKCB11607	Nguyễn Cao Quỳnh	Nhi	24/03/1999	Gia Lai	10.0	9.0	Đạt	
75	BKCB11608	Nguyễn Thị Uyên	Nhi	18/02/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	8.83	Đạt	
76	BKCB11609	Đào Tuyết	Như	21/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	9.0	Đạt	
77	BKCB11610	Trần Huỳnh	Như	30/05/2007	Khánh Hòa	9.67	8.67	Đạt	
78	BKCB11611	Đặng Thị Kim	Oanh	22/06/2004	Đắk Lắk	9.33	7.67	Đạt	
79	BKCB11612	Trần Thị Hoàng	Oanh	10/02/2005	Thừa Thiên Huế	5.0	5.0	Đạt	
80	BKCB11613	Nguyễn Huỳnh Tấn	Phát	26/03/2005	Tây Ninh	9.0	8.83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
81	BKCB11614	Huỳnh Thị Thanh	Phụng	28/12/2001	Đồng Nai	6.33	8.67	Đạt	
82	BKCB11615	Hoàng Từ Thanh	Phương	30/08/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	9.0	Đạt	
83	BKCB11616	Nguyễn Thị	Phương	20/02/2005	Hà Tĩnh	8.33	3.17	Không đạt	
84	BKCB11617	Đỗ Ngọc	Quân	26/06/2006	Quảng Bình	8.67	5.33	Đạt	
85	BKCB11618	Lê Mạnh	Quân	11/09/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	6.17	Đạt	
86	BKCB11619	Lê Mỹ	Quân	22/12/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	8.5	Đạt	
87	BKCB11620	Hồ Minh	Quang	02/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	6.67	8.5	Đạt	
88	BKCB11621	Nguyễn Thị Mỹ	Quý	20/07/2005	An Giang	9.0	5.0	Đạt	
89	BKCB11622	Đỗ Thị Thanh	Quý	30/09/2005	Lâm Đồng	8.0	8.83	Đạt	
90	BKCB11623	Nguyễn Ngọc	Quý	17/07/2003	Vĩnh Long	10.0	8.67	Đạt	
91	BKCB11624	Kim Thị Sa	Quyên	20/11/1999	Sóc Trăng	9.33	7.33	Đạt	
92	BKCB11625	Tô Ngọc Gia	Quỳnh	29/07/2005	Bình Dương	9.33	8.0	Đạt	
93	BKCB11626	Nguyễn Thái	Son	07/03/2000	Đồng Nai	9.67	7.5	Đạt	
94	BKCB11627	Trần Thành	Tài	14/12/1999	Cà Mau	8.33	7.67	Đạt	
95	BKCB11628	Trần Đặng Thanh	Tâm	01/01/1998	Đồng Nai	9.67	8.83	Đạt	
96	BKCB11629	Hồ Nhất	Thạch	06/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6.33	5.0	Đạt	
97	BKCB11630	Lê Quốc	Thái	17/01/2006	Nghệ An	6.67	7.0	Đạt	
98	BKCB11631	Lưu Nhựt	Thành	31/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7.0	7.5	Đạt	
99	BKCB11632	Phạm Đức	Thọ	27/10/2001	Đắk Lắk	9.0	8.67	Đạt	
100	BKCB11633	Đoàn Cao Hiền	Thư	09/11/1997	Lâm Đồng	9.0	9.33	Đạt	
101	BKCB11634	Dương Tường Phụng	Thư	21/04/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9.67	9.17	Đạt	
102	BKCB11635	Nguyễn Vũ Minh	Thư	20/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.5	Đạt	
103	BKCB11636	Trần Vũ Anh	Thư	05/02/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	7.33	7.67	Đạt	
104	BKCB11637	Đặng Lê Anh	Thư	03/11/2005	Đồng Nai	8.67	9.0	Đạt	
105	BKCB11638	Nguyễn Đoàn Anh	Thư	01/09/2005	Hà Nội	9.33	8.83	Đạt	
106	BKCB11639	Vũ Văn	Thuận	05/09/1995	Đắk Lắk	7.33	6.83	Đạt	
107	BKCB11640	Đỗ Thị Thanh	Thương	20/09/1998	Gia Lai	9.33	8.67	Đạt	
108	BKCB11641	Lê Mỹ	Tiên	19/05/2004	Đồng Tháp	9.67	8.83	Đạt	
109	BKCB11642	Nguyễn Phước Bảo	Tiến	17/10/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8.67	8.5	Đạt	
110	BKCB11643	Lê Văn	Toàn	19/06/2003	Đồng Nai	5.67	5.0	Đạt	
111	BKCB11644	Trần Văn Phúc	Toàn	13/06/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	6.0	Đạt	
112	BKCB11645	Võ Thị Thanh	Trà	19/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	6.0	6.0	Đạt	
113	BKCB11646	Nguyễn Thị Bảo	Trâm	28/05/2006	Lâm Đồng	8.0	6.67	Đạt	
114	BKCB11647	Trần Lê Thu	Trâm	09/01/2004	Lâm Đồng	9.33	8.5	Đạt	
115	BKCB11648	Nguyễn Bảo	Trân	11/12/1978	Đồng Tháp	9.33	6.83	Đạt	
116	BKCB11649	Trần Mạnh	Trí	20/11/2006	Gia Lai	5.67	5.0	Đạt	
117	BKCB11650	Trần Minh	Trí	08/08/1992	Hà Nội	9.33	9.17	Đạt	
118	BKCB11651	Trương Quốc	Trí	06/06/2006	Lâm Đồng	7.33	6.5	Đạt	
119	BKCB11652	Trần Tú	Trinh	18/04/2004	Cà Mau	10.0	8.67	Đạt	
120	BKCB11653	Trần Thị	Trinh	05/11/2006	Bình Phước	9.33	7.33	Đạt	
121	BKCB11654	Phạm Thanh	Trúc	17/02/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	7.17	Đạt	
122	BKCB11655	Trần Thị Kim	Trúc	07/05/2005	Đồng Tháp	8.0	7.83	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
123	BKCB11656	Lê Thái	Trung	16/04/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	7.67	9.0	Đạt	
124	BKCB11657	Trần Quốc	Trường	27/09/2001	Nghệ An	6.67	2.83	Không đạt	
125	BKCB11658	Nguyễn Cẩm	Tú	06/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	10.0	6.17	Đạt	
126	BKCB11659	Nguyễn Võ Tuấn	Tú	07/09/2003	Tây Ninh	5.33	6.17	Đạt	
127	BKCB11660	Hoàng Anh	Tuấn	12/07/2005	Đồng Nai	9.0	8.5	Đạt	
128	BKCB11661	Lê Thanh	Tùng	18/01/2003	Thanh Hóa	7.33	5.83	Đạt	
129	BKCB11662	Cao Đình	Tùng	16/08/2001	Thanh Hóa				Vắng
130	BKCB11663	Phạm Thanh	Túy	25/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8.33	5.67	Đạt	
131	BKCB11664	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	05/06/2003	An Giang	10.0	8.17	Đạt	
132	BKCB11665	Nguyễn Thị Hồng	Uyên	24/01/2004	Lâm Đồng	10.0	9.17	Đạt	
133	BKCB11666	Trần Thị Thu	Uyên	25/10/2002	Đắk Lắk	9.67	6.33	Đạt	
134	BKCB11667	Phan Ngọc Tường	Vi	23/03/2004	Tây Ninh	10.0	7.17	Đạt	
135	BKCB11668	Nguyễn Ngọc	Vĩ	01/09/1999	An Giang	10.0	7.83	Đạt	
136	BKCB11669	Y	Việt	02/02/2004	Quảng Ngãi	9.33	6.33	Đạt	
137	BKCB11670	Đỗ Thành	Vinh	12/05/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	9.0	7.17	Đạt	
138	BKCB11671	Trần Quốc	Vương	01/01/2000	Vĩnh Long				Vắng
139	BKCB11672	Trần Ngọc Khánh	Vy	23/05/2003	Đồng Tháp	9.0	7.0	Đạt	
140	BKCB11673	Nguyễn Hoàng	Vỹ	27/07/2004	Đồng Nai	9.33	8.33	Đạt	
141	BKCB11674	Nguyễn Hoàng Ánh	Xuân	21/05/2007	Khánh Hòa	7.33	6.0	Đạt	
142	BKCB11675	Lê Thị Như	Ý	25/05/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9.33	8.67	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)>=5 và Điểm thực hành >=5

Số lượng thí sinh:142Số thí sinh đạt:132

Số lượng hiện diện:136

Thư ký Hội đồngChủ tịch Hội đồng

Ngô Quang NhựtThoại Nam